TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Ngọc Đức**

Ông **Nguyễn Ngọc Tòng**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Bà N**guyễn Thị Bé Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị M**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi ĐKTT: tổ 6, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: tổ 8, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh **Trần Trọng Gia V**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 6, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 21/12/2021 nguyên đơn Phan Thị M trình bày:

Vào năm 2003 chị và anh Trần Trọng Gia V qua quen biết, tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới có 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền và một tấm lắc tổng cộng là 05 chỉ vàng 24k, hiện

nay không còn. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại tổ 6, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có 02 con chung là Trần Ngọc Mai H sinh ngày 15/4/2004 và Trần N, sinh ngày 25/8/2012.

Trong thời gian chung sống chị và anh V không có tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ vợ chồng chị.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do chị và anh V thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh V thường hay vu khống chửi bới chị, anh V còn dùng lời nói thô tục, bôi nhọa danh dự của chị bởi tính gia trưởng hay ghen tỵ và muốn kiểm soát chị. Hiện tại chị và anh V không còn tình cảm gì với nhau, chị và anh V đã ly thân nhau khoảng tháng 8 năm 2021 đến nay.

Nay chị M xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh V không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng Gia V

- Về con chung: Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con là Trần Ngọc Mai H (sinh ngày 15/4/2004) và Trần N (sinh ngày 25/8/2012), chị M không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản (tài sản chung và nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/5/2022 chị Phan Thị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết vắng mặt chị trong phiên tòa ngày 23/5/2022.

Trong trình giải quyết vụ án, anh Trần Trọng Gia V đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho anh, thể hiện tại Biên bản giao giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Văn phòng thừa phát lại Lâm Tú Q lập ngày 21/02/2022 anh V trực tiếp nhận *Thông báo về việc thụ lý vụ án số 24/TB-TLVA ngày 24/01/2022 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA ngày 18/02/2022*, cũng như các văn bản tố tụng sau đó do người thân nhận thay và đã giao lại cho anh V, nhưng anh V vẫn không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, anh V cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ về việc vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại biên bản xác minh ngày 29/4/2022 ông Trần Văn T (cha ruột của anh Trần Trọng Gia V) trình bày:

Anh Trần Trọng Gia V và vợ là Phan Thị M sống với nhau đã 19 năm, trước đây vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng khoảng 2-3 năm nay anh V có tính hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, nhưng thực sự anh V vẫn còn thương vợ thương con. Ông có nhận Thông báo của Tòa án thay cho anh V và đã giao lại cho anh V nhưng do anh V đi lái xe thuê nên không về dự các phiên họp và phiên hòa giải tại Tòa được, anh V lái xe có khi 2-3 ngày mới về đến nhà. Hiện nay anh V và chị M không còn sống chung với nhau, anh V thì ở tại nhà, chị M thì ra ngoài thuê nhà trọ ở khoảng tháng 8/2021.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định và bị đơn thì chưa chấp hành đúng quy định *(bị đơn còn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 01/3/2022, 07/3/2022 và các phiên tòa ngày 29/4/2022, 23/5/2022).*

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị M được ly hôn với anh Trần Trọng Gia V.

Về con chung: Giao cho chị Phan Thị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Mai H (sinh ngày 25/8/2012), anh V chưa phải cấp dưỡng nuôi con; anh V được quyền tới lui thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đối với cháu Trần N (sinh ngày 15/4/2004) tại thời điểm này đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: đương sự không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc chị Phan Thị M nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm (chị Mai được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0013434 ngày 24/01/2022).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Xét nguyên đơn Phan Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng Gia V, anh V có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, xét nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị M và anh Trần Trọng Gia V chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 là theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa chị M và anh V là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị M và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M là có cơ sở, bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng theo lời trình bày của chị Phan Thị M tại đơn khởi kiện và bản khai ngày 21/12/2021) (BL 01 – 02) thì trong cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh V thường xuyên ghen tuông vô cớ, vu khống và dùng lời lẻ thô tục chửi bới, bôi nhọa danh dự của chị, từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị và anh V đã ly thân nhau khoảng tháng 8 năm 2021 đế nay, xét lời trình bày của chị M là phù hợp với lời trình bày của ông Trần Văn T *(cha ruột của anh Trần Trọng Gia V)* tại biên bản xác minh ngày 29/4/2022 nên việc chị Phan Thị M xin ly hôn với anh Trần Trọng Gia V là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với anh Trần Trọng Gia V, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V nhưng anh V cố tình trốn tránh không đến Tòa để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không giao nộp văn bản trình bày quan điểm về việc chị M khởi kiện xin ly hôn với anh, qua đó thể hiện anh V không có nguyện vọng giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh V đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M, cho chị M ly hôn với anh Trần Trọng Gia V.

[3.2] Về con chung: Chị Phan Thị M và anh Trần Trọng Gia V có 02 con chung là Trần Ngọc Mai H (sinh ngày 15/4/2004) và Trần N (sinh ngày 25/8/2012), chị M yêu cầu giải quyết cho chị được nuôi cháu H và cháu N, chị M không yêu cầu anh Trần Trọng Gia V cấp dưỡng nuôi con; cháu H và cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử thì cháu N đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu H cho chị Phan Thị M nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định của Toà án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Trần Trọng Gia V được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Phan Thị M không yêu cầu anh Trần Trọng Gia Vinh cấp dưỡng nuôi cháu Trần Ngọc Mai H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các 51, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị M ly hôn với anh Trần Trọng Gia V

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Mai H (sinh ngày 25/8/2012) cho chị Phan Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Toà án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Trần Trọng Gia V chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Trọng Gia V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh V còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3.Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị M nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí chị M phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013434 ngày 24/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Ngọc Sương

Nơi nhận:
- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND xã Tân Bình, huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b